

## UNIT 4: DID YOU GO TO THE PARTY?





### Lesson 1




**Exercise 1:** Hãy điền dạng quá khứ và nghĩa tiếng Việt của các từ sau.

Động từ nguyên mẫu	Động từ thể quá khứ	Nghĩa tiếng Việt
go		
drink		
eat		
sing		
have		
be		
read		
write		




**Exercise 2:** Nhìn và hoàn thành các câu sau.



teddy bear	a picnic	fruit juice	present	robot
ice cream	cakes	comic books	story books	

	1. We went to ..... yesterday.
	2. I drank.....
	3. I like eating .....
	4. She read.....yesterday

	5. They gave me a .....on my birthday.
	6. I like reading .....in my free time.
	7. I have a .....
	8. We ate.....
	9. She gave me a .....

**Exercise 3:** Nhìn vào các bức tranh dưới đây và trả lời các câu hỏi sau với: *Yes, I did.* Hoặc *No, I didn't.*

	<p>- Did they go to school yesterday?</p> <p>- .....</p>
	<p>- Did she eat ice cream last night?</p> <p>- .....</p>
	<p>- Did you mother buy a teddy bear?</p> <p>- .....</p>

	<p>- Did he read books?</p> <p>- .....</p>
	<p>- Did they play badminton yesterday?</p> <p>- .....</p>

**Exercise 4: Đọc và nối.**

1. Where were you yesterday, Nam?	a. No, I didn't. It was so crowded.
2. Where did your sister go yesterday?	b. She bought some books.
3. Did you enjoy it?	c. She went to by plane.
4. Who did you go with?	d. It was last Saturday.
5. What did she do at the book fair?	e. She went to the zoo.
6. When was your birthday?	f. Yes, I did.
7. Did you eat cakes and sweets?	g. I went with my friends.
8. How did she get to Ha Noi?	h. I was at the book fair.